

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **227/2020/HS-PT**

Ngày: 18/9/2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Tào**

Các thẩm phán: Ông **Phạm Tồn**

Ông **Nguyễn Cường**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Phạm Minh Hoàng**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Trần Thanh Tuấn**, Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 169/2020/TLPT-HS ngày 21/4/2020 đối với bị cáo **Trần Thị Thanh H** về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Do có kháng cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 18/2020/HS-ST ngày 09/3/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Bị cáo có kháng cáo:

Họ và tên: **Trần Thị Thanh H**; sinh năm 1963; Tại tỉnh H Tĩnh; Nơi cư trú: số 05, đường Đ, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ văn hóa: 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn T và bà Trần Thị X; Bị cáo có chồng là Lê Quốc Đ (đã ly hôn), chồng thứ hai là Phan Xuân T và có 04 con, con lớn nhất sinh năm 1984, con nhỏ nhất sinh năm 1993; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam từ ngày 18/4/2019 cho đến nay. Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo theo yêu cầu của Tòa án: Luật sư Dương Lê S

- Đoàn luật sư tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

Ngoài ra trong vụ án còn có những người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo, không bị kháng cáo kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ năm 2013 đến năm 2018, Trần Thị Thanh H, sinh năm 1963, trú tại số 05 Đ, phường T, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk biết nhiều người có nhu cầu xin cho con, cháu, người thân được đi làm, đi học, chuyển công tác trong các ngành Công an, Giáo dục, Y tế... nên đã dùng thủ đoạn đưa ra các thông tin gian dối là bản thân có mối quan hệ quen biết với Lãnh đạo các ngành Công an, Giáo dục, Y tế và có khả năng xin được việc làm, xin đi học, xin chuyển công tác trong các ngành này, làm cho các bị hại tin tưởng giao tiền rồi sau đó chiếm đoạt để sử dụng vào mục đích cá nhân của mình. Với thủ đoạn như trên, Trần Thị Thanh H đã thực hiện 21 vụ lừa đảo, chiếm đoạt tiền của các bị hại cụ thể như sau:

- Vụ thứ nhất: Chiếm đoạt của ông Bùi Xuân T, sinh năm 1974, trú tại tỉnh Đắk Lắk:

Năm 2013, do có mối quan hệ quen biết từ trước nên ông T có nhờ H xin cho con trai là Bùi Duy P, sinh năm 1994, đã tốt nghiệp trung học phổ thông được vào công tác trong ngành Công an. H nói với ông T là có khả năng xin cho con trai ông T với chi phí là 350.000.000 đồng, trong đó số tiền xin đi nghĩa vụ Công an là 70.000.000 đồng, số tiền để xin được đi học Trung cấp Công an là 280.000.000 đồng và được ông T đồng ý. Đến khoảng tháng 3/2013, ông T đưa hồ sơ và số tiền 70.000.000 đồng cho H. Sau khi nhận tiền và hồ sơ, H đem hồ sơ nộp tại Công an tỉnh Đắk Lắk để đăng ký nghĩa vụ cho cháu P. Ngày 05/9/2013, cháu Bùi Duy P trúng tuyển nghĩa vụ Công an nhân dân, việc cháu P trúng tuyển là do cháu P đủ điều kiện, tiêu chuẩn về chính trị, sức khỏe, học lực hoàn toàn không mất tiền. Sau đó, H thỏa thuận miệng với ông T là số tiền 70.000.000 đồng H đã sử dụng lo cho cháu P đi nghĩa vụ xong nên H không còn nợ tiền ông T. Trong thời gian từ năm 2014 đến 27/9/2015, ông T đã có 02 lần đưa tiền cho H với tổng số tiền là 280.000.000 đồng để H lo cho cháu P được đi học Trung cấp Công an như đã thỏa thuận trước đó. Sau khi nhận đủ tiền, H đã viết 01 giấy vay tiền có nội dung thể hiện “Ngày 27/9/2015, Trần Thị Thanh H có nhận của gia đình anh chị Bùi Xuân T số tiền là 350.000.000 đồng, hẹn tới 30/3/2016 nếu cháu P không đi học được thì sẽ thanh toán lại đầy đủ số tiền đã nhận trên” và viết bổ sung nội dung “vào học trường chính qui của công an nhân dân cử đi, số tiền trên tôi đã nhận đủ”. Sau khi nhận tiền, H không liên hệ với cá nhân, tổ chức nào để xin cho cháu P đi học như đã thỏa thuận mà chiếm đoạt và sử dụng để trả nợ. Tháng 9/2016, cháu P xuất ngũ, ông T đã liên hệ với H để đòi lại tiền thì H mới chỉ trả lại cho ông T được 50.000.000 đồng. *Như vậy, H đã chiếm đoạt của ông T số tiền 230.000.000 đồng (Hai trăm ba mươi triệu đồng).*

- Vụ thứ hai: Chiếm đoạt của ông Dương Đình T, sinh năm 1955, trú tại, tỉnh Đắk Lắk:

Năm 2013, H quen biết với ông Dương Đình T, ông T có nhờ H xin cho con trai là cháu Dương Đình V, sinh năm 1994, đã tốt nghiệp trung học phổ thông được vào công tác trong ngành Công an. H đã nói với ông T là trước tiên

phải xin đi nghĩa vụ công an rồi sau đó xin chuyển chuyên nghiệp ở lại công tác trong ngành, chi phí để đi nghĩa vụ công an là 65.000.000 đồng và ông T đồng ý. Sau đó, ông T đưa hồ sơ và số tiền 65.000.000 đồng cho H như đã thỏa thuận. H đem hồ sơ của cháu V nộp đăng ký nghĩa vụ tại Công an tỉnh Đắk Lắk, đến tháng 02/2013 thì cháu V trúng tuyển nghĩa vụ Công an. Việc cháu V trúng tuyển là do cháu V đủ điều kiện, tiêu chuẩn về chính trị, sức khỏe, học lực, hoàn toàn không mất tiền. Sau khi cháu V trúng tuyển nghĩa vụ thì H đã thỏa thuận với ông T là do H đã lo được cho cháu V đi nghĩa vụ nên không còn nợ tiền ông T. H cũng hứa hẹn sẽ lo cho cháu V được chuyển chuyên nghiệp, ở lại công tác trong ngành Công an với chi phí là 200.000.000 đồng và ông T đồng ý. Đến khoảng đầu năm 2014, ông T đưa cho H số tiền 70.000.000 đồng, đến ngày 20/3/2014, ông T đưa tiếp cho H số tiền 80.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền, H viết 01 giấy nhận tiền có nội dung thể hiện: “Trần Thị Thanh H có nhận của gia đình anh Dương Đình T, vợ Lưu Thị S số tiền 150.000.000 đồng, lo cho cháu Dương Đình V vào biên chế ngành Công an nhân dân”. Đến ngày 16/4/2016, ông T tiếp tục đưa cho H số tiền 40.000.000 đồng và khi nhận tiền H cũng viết 01 giấy nhận tiền có nội dung thể hiện: “Trần Thị Thanh H có nhận của gia đình anh Dương Đình T số tiền 40.000.000 đồng”. Ngoài ra, H còn mua dây Tiêu của ông T với giá 10.000.000 đồng và hai bên thỏa thuận cần sang tiền xin việc cho cháu V cho đủ 200.000.000 đồng như thỏa thuận. Sau khi nhận tiền, H không liên hệ với cá nhân, tổ chức nào để xin việc cho cháu V như đã thỏa thuận mà chiếm đoạt và sử dụng vào mục đích cá nhân. Năm 2016 cháu V xuất ngũ, ông T đã liên hệ với H để đòi lại tiền nhưng H mới chỉ trả lại cho ông T được số tiền 50.000.000 đồng. *Như vậy, H đã chiếm đoạt của ông T số tiền 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng).*

- *Vụ thứ ba: Chiếm đoạt của ông Bùi Vĩnh T, sinh năm 1966, trú tại tỉnh Đắk Lắk:*

Năm 2014, ông T quen biết với H và có nhờ H xin cho con trai ông T là cháu Bùi C, sinh năm 1996, đã tốt nghiệp Trung học Phổ thông được vào công tác trong ngành Công an và cháu Bùi Thị H, sinh năm 1991, đã tốt nghiệp Học viện Hành chính Quốc gia được vào công tác tại Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk. H nói với ông T là có khả năng xin được cho cháu C đi học Trường Trung cấp Phòng cháy chữa cháy sau khi ra trường sẽ được bố trí công tác tại Sở Cảnh sát Phòng cháy chữa cháy tỉnh Đắk Lắk với chi phí là 250.000.000 đồng, trong đó đưa trước 150.000.000 đồng và khi nào có quyết định đi làm thì đưa tiếp 100.000.000 đồng còn lại. Còn trường hợp của cháu Bùi Thị H thì H nói sẽ lo cho cháu H thi đậu công chức và được bố trí công tác tại Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk với chi phí là 150.000.000 đồng và ông T đồng ý. Ngày 16/10/2014, ông T đưa hồ sơ của cháu Bùi C và Bùi Thị H kèm theo số tiền 300.000.000 đồng cho H, trong đó 150.000.000 đồng để lo việc cho cháu Bùi C và 150.000.000 đồng để lo việc cho cháu Bùi Thị H. Khi nhận tiền, H đã viết 02 giấy cam kết, 01 giấy có nội dung thể hiện: “Trần Thị Thanh H có lo cho cháu Bùi C con anh Bùi Vĩnh T đi học Phòng cháy chữa cháy với giá tiền là 250.000.000 đồng” và 01 giấy có nội dung thể hiện: “Trần Thị Thanh H có nhận của gia đình anh Bùi Vĩnh T số tiền là 150.000.000 đồng lo cho cháu Bùi Thị H thi công chức vào làm tại Ủy ban nhân

dân tỉnh Đắk Lắk”. Sau đó, H nộp hồ sơ đăng ký cho cháu Bùi C đi học Trung cấp Cảnh sát Phòng cháy, chữa cháy hệ dân sự tại tỉnh Đồng Nai và cháu C được đi học nhưng sau đó cháu C phát hiện mình học hệ dân sự nên bỏ học về lại địa phương. Ông T đã liên hệ với H để đòi lại tiền thì H nói là H sẽ lo cho cháu C đi nghĩa vụ Công an sau đó chuyển chuyên nghiệp và ở lại công tác trong ngành với giá tiền là 300.000.000 đồng, H nói ông T đưa thêm 50.000.000 đồng, khi nào cháu C có quyết định chuyển chuyên nghiệp thì đưa tiếp 100.000.000 đồng còn lại và được ông T đồng ý. Ngày 03/12/2014, ông T đưa tiếp cho H số tiền 50.000.000 đồng. Khi nhận tiền, H viết bổ sung vào giấy cam kết đã viết trước đó nội dung: “*Điều chỉnh lại. Nay đưa cháu Bùi C đi vào lính nghĩa vụ sau lo đi học ở lại chuyên nghiệp ngành Công an với giá 300 triệu đồng, đã nhận 200 còn 100. Khi có quyết định đủ 18 tháng phải đưa nốt, nếu sai tôi sẽ đền tiền theo gia đình yêu cầu*”. Đầu năm 2015, cháu C trúng tuyển nghĩa vụ công an nhân dân, việc cháu C trúng tuyển là do C đủ điều kiện, tiêu chuẩn về chính trị, sức khỏe, học lực, hoàn toàn không mất tiền. Quá trình cháu C đi nghĩa vụ thì H không liên hệ với cá nhân, tổ chức nào để xin cho cháu C chuyển chuyên nghiệp, ở lại công tác trong ngành công an như đã thỏa thuận. Đầu năm 2018, cháu Bùi C xuất ngũ, ông T liên hệ với H để đòi tiền nhưng H chỉ trả cho ông T được 30.000.000 đồng, còn lại số tiền 170.000.000 đồng lo công việc cho cháu C thì H đã chiếm đoạt và dùng để trả nợ cá nhân. Đối với trường hợp của cháu H thì sau khi nhận tiền, H cũng không liên hệ với cá nhân, tổ chức nào để lo cho cháu H thi đậu công chức như đã thỏa thuận mà chiếm đoạt toàn bộ số tiền để trả nợ. *Như vậy, H đã chiếm đoạt của ông Bùi Vĩnh T tổng số tiền 320.000.000 đồng (Ba trăm hai mươi triệu đồng).*

- *Vụ thứ tư: Chiếm đoạt của ông Nguyễn N T, sinh năm 1971, trú tại, tỉnh Đắk Lắk:*

Năm 2014, ông T quen biết với H, ông T đã nhờ H xin giúp cho con trai mình là cháu Nguyễn N T, sinh năm 1995, đã tốt nghiệp trung học phổ thông được vào công tác trong ngành Công an. H nói với ông T là có khả năng xin cho cháu T vào công tác trong ngành Công an, trước tiên là sẽ xin cho cháu T đi nghĩa vụ công an rồi sau đó xin đi học Trung cấp Cảnh sát, chi phí để xin đi nghĩa vụ là 150.000.000 đồng, xin đi học là 200.000.000 đồng và ông T đồng ý. Tháng 9/2014, ông T đưa cho H số tiền 10.000.000 đồng và tháng 11/2014 ông T đưa cho H hồ sơ kèm theo số tiền 140.000.000 đồng. Sau đó, H nộp hồ sơ đăng ký nghĩa vụ công an nhân dân cho cháu T tại Công an tỉnh Đắk Lắk. Đầu năm 2015, cháu T trúng tuyển nghĩa vụ, việc cháu T trúng tuyển nghĩa vụ là do cháu T đủ điều kiện, tiêu chuẩn về chính trị, sức khỏe, học lực hoàn toàn không mất tiền. Khoảng tháng 3/2017, H nói với ông T sẽ lo cho cháu T được đi học tại trường Trung cấp Cảnh sát với chi phí 200.000.000 đồng như đã nói trước đó và đề nghị ông T đưa trước số tiền 150.000.000 đồng, khi nào có quyết định nhập học thì đưa tiếp 50.000.000 đồng còn lại và ông T đồng ý. Ngày 11/3/2017, ông T đưa cho H số tiền 150.000.000 đồng như đã thỏa thuận, H đã viết 01 giấy vay tiền có nội dung: “Trần Thị Thanh H có vay của gia đình anh Nguyễn N T số tiền là 150.000.000 đồng” và viết bổ sung nội dung: “tôi có trách nhiệm lo cho cháu T

vào học Trung cấp Cảnh sát nhân dân 2 thì gia đình đưa tiếp 50.000.000 đồng”. Ngày 25/8/2017, ông T tiếp tục đưa cho H số tiền 50.000.000 đồng và H tiếp tục viết 01 giấy vay tiền có nội dung thể hiện: “Trần Thị Thanh H có vay của gia đình anh Nguyễn N T số tiền 200 triệu đồng”. Sau khi nhận tiền, H không liên hệ với cá nhân, tổ chức nào để xin cho cháu T được đi học như thỏa thuận mà chiếm đoạt toàn bộ số tiền để trả nợ cá nhân. Đầu năm 2018, cháu T xuất ngũ, H tiếp tục liên hệ với ông T, nói ông T đưa thêm 24.000.000 đồng để xin cho cháu T được quay lại công tác trong ngành công an và ông T đồng ý. Ngày 21/3/2018, ông T đưa cho H số tiền 24.000.000 đồng. Khi nhận tiền, H đã viết bổ sung vào giấy vay tiền trước đó nội dung: “Ngày 21/3/2018, tôi vay thêm gia đình 24.000.000 đồng, tổng nợ gia đình toàn bộ là 224.000.000 đồng”. Sau đó, H không liên hệ với cá nhân, tổ chức nào để xin cho cháu T quay lại công tác trong ngành Công an mà chiếm đoạt tiếp số tiền 24.000.000 đồng để sử dụng vào mục đích cá nhân. Qua thời gian chờ đợi không có kết quả, ông T đã liên hệ với H để đòi lại tiền nhưng H không trả. Tổng số tiền mà H đã nhận của ông T là 374.000.000 đồng, trong đó số tiền đã nhận để xin cho cháu T đi nghĩa vụ là 150.000.000 đồng và H đã thực hiện được. *Như vậy, còn chiếm đoạt của ông Nguyễn N T 224.000.000 đồng (Hai trăm hai mươi tư triệu đồng).*

- *Vụ thứ năm: Chiếm đoạt của ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1970, trú tại Tổ dân phố Hợp Thành, thị trấn Liên Sơn, huyện Lỗ, tỉnh Đắk Lắk:*

Khoảng tháng 3/2015, ông T nói với H là có nhu cầu xin cho con trai tên Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1996, đã tốt nghiệp Trung học Phổ thông, được vào biên chế và làm lái xe công tác tại Bộ T lệnh Cảnh sát Cơ động Bộ Công an. H nói với ông T là có khả năng xin cho cháu Đ với chi phí là 400.000.000 đồng và ông T đồng ý. Ngày 23/5/2015, ông T đưa cho H số tiền 400.000.000 đồng như đã thỏa thuận. Sau khi nhận tiền, H đã viết 01 Giấy nhận tiền có nội dung thể hiện: “Trần Thị Thanh H có nhận số tiền của anh chị Nguyễn Văn T chồng, vợ Nguyễn Thị Toại số tiền là 400.000.000 đồng để lo cho cháu Nguyễn Văn Đ vào lái xe của K20 Bộ Công an...”. Sau khi nhận tiền, H không xin được việc cho cháu Đ như thỏa thuận nên H nói lại với ông T là sẽ xin cho cháu Đ đi nghĩa vụ sau đó được chuyển chuyên nghiệp, ở lại công tác trong ngành Công an cũng với chi phí là 400.000.000 đồng thì ông T đồng ý. Sau đó H nộp hồ sơ đăng ký cho cháu Đ đi nghĩa vụ tại Công an tỉnh Đắk Lắk. Ngày 03/9/2015, cháu Đ trúng tuyển nghĩa vụ công an nhân dân, việc cháu Đ trúng tuyển nghĩa vụ Công an là không mất tiền vì cháu Đ đủ tiêu chuẩn chính trị, sức khỏe và học lực. Sau đó H không liên hệ với cá nhân, tổ chức nào để lo cho cháu Đ được chuyển chuyên nghiệp như đã thỏa thuận mà chiếm đoạt toàn bộ số tiền 400.000.000 đồng để trả nợ cá nhân. Tháng 9/2018, cháu Đ xuất ngũ, ông T đã liên hệ với H để đòi lại tiền thì H lại hứa là sẽ lo cho cháu Đ được gọi quay trở lại công tác trong ngành Công an và yêu cầu gia đình ông T phải đưa thêm số tiền 150.000.000 đồng cho đủ 550.000.000 đồng và ông T đồng ý. Ngày 19/10/2018, ông T đưa tiếp cho H số tiền 26.400.000 đồng. Sau khi nhận tiền, H đã viết 01 Giấy nhận tiền có nội dung thể hiện: “Trần Thị Thanh H nhận của anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị Toại số tiền là 26.400.000 đồng”. Ngày 24/10/2018, bà Nguyễn Thị Toại chuyển

khoản cho H 30.000.000 đồng. Hai bên thỏa thuận khi nào cháu Đ có quyết định gọi lại chuyên nghiệp thì đưa đủ số tiền còn lại. Sau khi nhận tiền, H đã không liên hệ với cá nhân, tổ chức nào để lo việc cho cháu Đ như đã thỏa thuận mà chiếm đoạt toàn bộ số tiền này để trả nợ cá nhân. Sau thời gian chờ đợi không có kết quả, ông T đã liên hệ với H để đòi tiền nhưng H không trả. *Như vậy, H đã chiếm đoạt của ông Nguyễn Văn T số tiền 456.400.000 đồng (Bốn trăm năm mươi sáu triệu bốn trăm nghìn đồng).*

- *Vụ thứ sáu: Chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1967, trú tại tỉnh Nghệ An:*

Năm 2015, bà S có quen biết với H, bà S nói với H là có nhu cầu xin cho hai cháu là Nguyễn T Đ, sinh năm 1997, trú tại tỉnh Nghệ An được vào học Trường Đại học Phòng cháy chữa cháy tại H Nội và cháu Lê Thị H N, sinh năm 1990, trú tại tỉnh Nghệ An được vào làm Kế toán tại Bộ T lệnh Cảnh sát Cơ động Bộ Công an tại tỉnh Nghệ An. H nói với bà S là có khả năng xin cho cháu Đ được vào học Trường Đại học Phòng cháy chữa cháy tại H Nội với chi phí là 500.000.000 đồng và xin cho cháu N vào làm Kế toán tại Bộ T lệnh Cảnh sát Cơ động Bộ Công an tại tỉnh Nghệ An với chi phí là 500.000.000 đồng và được bà S đồng ý. Ngày 04/9/2015, bà Đoàn Thị Bạch T là mẹ của cháu Đ đã chuyển khoản cho H số tiền 200.000.000 đồng. Ngày 07/9/2015, bà T tiếp tục chuyển khoản cho H số tiền 290.000.000 đồng và bà S đưa tiền mặt cho H số tiền 10.000.000 đồng để đủ 500.000.000 đồng tiền xin đi học cho cháu Đ như đã thỏa thuận. Sau khi nhận tiền, H viết 01 giấy nhận tiền có nội dung thể hiện: “Trần Thị Thanh H có nhận của chị Nguyễn Thị S số tiền là 500.000.000 đồng để lo cho cháu Nguyễn T Đ vào học Đại học Phòng cháy chữa cháy hệ chính quy tại H Nội. Học xong phân công công tác tại Sở Phòng cháy chữa cháy Nghệ An...”. Đến tháng 9/2015, bà S chuyển khoản cho H số tiền 250.000.000 đồng, là tiền xin việc làm cho cháu N và hai bên thỏa thuận miệng khi nào cháu N có quyết định đi làm thì đưa tiếp 250.000.000 đồng còn lại. Sau khi nhận tổng số tiền 750.000.000 đồng của gia đình bà S để xin đi học, xin việc cho các cháu Đ và N thì H không liên hệ với cá nhân, tổ chức nào để lo việc như thỏa thuận mà chiếm đoạt số tiền này để trả nợ. Sau thời gian dài chờ đợi không có kết quả, bà S đã liên hệ với H để đòi lại tiền thì H trả lại cho bà S được số tiền 400.000.000 đồng. Đối với trường hợp xin đi học của cháu Đ. Ngày 14/10/2017, H viết 02 Giấy vay tiền mới, trong đó, 01 giấy là viết cho trường hợp nhận tiền xin đi học cho cháu Đ có nội dung: “Trần Thị Thanh H có vay của chị Nguyễn Thị S số tiền là 100 triệu đồng” và 01 giấy viết cho trường hợp nhận tiền xin việc cho cháu N có nội dung: “*Trần Thị Thanh H có vay của chị Nguyễn Thị S số tiền là 250.000.000 đồng*”. Sau đó, bà S đã nhiều lần liên hệ với H để đòi lại tiền nhiều lần nhưng H không trả. *Như vậy, H đã chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị S số tiền 350.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi triệu đồng).*

- *Vụ thứ bảy: Chiếm đoạt của ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1970, trú tại tỉnh Đắk Lắk:*

Bị cáo H và ông Nguyễn Văn C có mối quan hệ quen biết từ năm 2015, trong quá trình quen biết, ông C có nhờ H xin giúp cho con trai là Nguyễn Văn H, sinh năm 1996, đã tốt nghiệp Trung học phổ thông được đi học Trung cấp Cảnh sát. H nói với ông C là có khả năng xin được cho cháu H đi nghĩa vụ Công an sau đó đi học tại trường Trung cấp Công an với chi phí là 330.000.000 đồng và ông C đồng ý. Ngày 23/3/2015, ông C đưa hồ sơ của cháu H và số tiền 330.000.000 đồng cho H như đã thỏa thuận và H đã viết 01 giấy nhận tiền có nội dung thể hiện: “Trần Thị Thanh H có nhận của gia đình anh chị Nguyễn Văn C, Lê Thị Đường số tiền 330.000.000 đồng để lo cho cháu Nguyễn Văn H vào học Trung cấp Cảnh sát.”. Sau khi nhận hồ sơ và tiền, H đem hồ sơ đến Công an tỉnh Đắk Lắk nộp để đăng ký đi nghĩa vụ cho cháu H, đến tháng 9/2015 thì cháu H trúng tuyển nghĩa vụ Công an nhân dân. Việc cháu H trúng tuyển nghĩa vụ là do cháu H có đủ điều kiện, tiêu chuẩn về chính trị, sức khỏe, học lực, hoàn toàn không mất tiền. Trong quá trình cháu H đi nghĩa vụ, H không liên hệ với cá nhân, tổ chức nào để xin cho cháu H đi học Trung cấp Công an như đã thỏa thuận mà chiếm đoạt toàn bộ số tiền và sử dụng để trả nợ cá nhân. Đến tháng 9/2018, cháu H xuất ngũ, ông C đã liên hệ với H để đòi lại tiền nhưng H không trả lại tiền cho ông C. *Như vậy, H đã chiếm đoạt của ông C số tiền 330.000.000 đồng (Ba trăm ba mươi triệu đồng).*

- *Vụ thứ tám: Chiếm đoạt của bà Phạm Thị H, sinh năm 1977, trú tại tỉnh Đắk Lắk:*

Do có quan hệ quen biết từ trước nên vào thời gian đầu năm 2015 bà H đã đưa cho H hồ sơ xin việc và kèm theo số tiền 300.000.000 đồng để xin cho con trai của bà H là Lê Việt H, sinh năm 1996 được vào ngành Công an, sau khi nhận hồ sơ và tiền, H đã viết 01 giấy cam kết có nội dung “Trần Thị Thanh H lo cho cháu Lê Việt H đi lính Công an có thời hạn sau đó chuyển đi học Trung cấp Cảnh sát với chi phí là 300.000.000 đồng”. Sau đó H đưa hồ sơ của cháu H cho Nguyễn Duy T, sinh năm 1982, trú tại Tp. B để nhờ T đăng ký cho cháu H đi nghĩa vụ Công an và cháu H trúng tuyển nghĩa vụ. Trong thời gian cháu H đi nghĩa vụ thì H dẫn bà H đến gặp T để nhờ T lo cho cháu H được ở lại công tác trong ngành Công an. T thỏa thuận để ở lại chuyên nghiệp trong ngành Công an thì chi phí là 500.000.000 đồng, đưa trước 300.000.000 đồng, khi nào có quyết định thì đưa đủ 200.000.000 đồng còn lại và bà H đồng ý. Ngày 06/12/2018, bà H đưa cho T số tiền 300.000.000 đồng, T viết 01 giấy mượn tiền thể hiện nội dung “Nguyễn Duy T, có vay của chị Phạm Thị H, số tiền 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng)”. H đã viết vào phía sau giấy mượn tiền do T lập với nội dung: “Khi H có quyết định ở lại công tác trong ngành Công an thì H có trách nhiệm chịu khoản chi phí 200.000.000 đồng để lo công việc cho H”. Sau khi nhận tiền của bà H thì T và H không liên hệ với tổ chức, cá nhân nào để xin chuyển chuyên nghiệp trong ngành Công an cho Lê Việt H mà chiếm đoạt tiêu xái cá nhân. Ngày 09/3/2018, cháu H xuất ngũ, H không trả lại tiền cho bà H. *Như vậy, H đã chiếm đoạt của bà H số tiền 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng).*

- *Vụ thứ chín: Chiếm đoạt của bà Phạm Thị N, sinh năm 1977, trú tại tỉnh Đắk Lắk:*

Năm 2015, bà Phạm Thị N có quen biết với H, bà N có nhờ H xin cho con trai là cháu Nguyễn Văn T, sinh năm 1996, đã tốt nghiệp Trung học Phổ thông được vào công tác trong ngành Công an. H nói với bà N là có khả năng xin cho cháu Nguyễn Văn T đi nghĩa vụ sau đó chuyển chuyên nghiệp ở lại công tác trong ngành Công an với chi phí là 300.000.000 đồng và bà N đồng ý. Khoảng tháng 5/2015, bà N đưa hồ sơ và số tiền 100.000.000 đồng cho H. Ngày 16/9/2015, bà N đưa thêm số tiền 200.000.000 đồng cho H. Sau khi nhận tiền, H đã viết cho bà N 01 Giấy vay tiền thể hiện: “Trần Thị Thanh H có vay của gia đình Phạm Thị N số tiền là 300.000.000 đồng”. Sau đó, H nộp hồ sơ đăng ký cho cháu Nguyễn Văn T đi nghĩa vụ tại Công an tỉnh Đắk Lắk. Tháng 10/2015, cháu T trúng tuyển nghĩa vụ Công an. Việc cháu T trúng tuyển nghĩa vụ Công an là do cháu T có đủ điều kiện, tiêu chuẩn về chính trị, sức khỏe, và học lực, hoàn toàn không mất tiền. Trong quá trình cháu T đi nghĩa vụ thì H không liên hệ với cá nhân, tổ chức nào để xin cho cháu T được chuyển chuyên nghiệp ở lại công tác trong ngành Công an như thỏa thuận mà chiếm đoạt toàn bộ số tiền này để trả nợ cá nhân. Sau khi cháu T xuất ngũ, bà N đã liên hệ với H để đòi lại tiền nhưng H không trả. *Như vậy, H chiếm đoạt của bà N số tiền 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng).*

- *Vụ thứ mười: Chiếm đoạt tài sản của ông Đoàn Huy X, sinh năm 1960, trú tại tỉnh Gia Lai:*

Năm 2015, ông X quen biết với H và nhờ H xin cho con gái ông X là cháu Đoàn Thị L, sinh năm 1995, được đi học trường Trung cấp Cảnh sát tại tỉnh Quảng Nam. H nói với ông X là có khả năng xin cho cháu L đi học theo nhu cầu của ông X với chi phí là 400.000.000 đồng và ông X đồng ý. Tháng 7/2015, ông X đưa cho H số tiền 70.000.000 đồng. Đến tháng 8/2015, ông X tiếp tục đưa cho H số tiền 100.000.000 đồng kèm theo hồ sơ của cháu L. Đến tháng 9/2015, ông X đưa tiếp cho H số tiền 30.000.000 đồng và đến tháng 11/2015, vợ ông X là bà Phạm Thị X chuyển khoản cho H số tiền 100.000.000 đồng. Sau khi nhận tổng số tiền 300.000.000 đồng của gia đình ông X thì H không liên hệ với cá nhân, tổ chức nào để xin cho cháu L được đi học. Sau đó, H bị gia đình ông X hỏi thúc nhiều lần nên H nói với ông X là sẽ xin cho cháu L đi học Trung cấp Phòng cháy, chữa cháy tại H Nội hệ dân sự, sau khi ra trường thì về công tác tại Sở Cảnh sát Phòng cháy, chữa cháy Công an tỉnh K H với chi phí là 300.000.000 đồng và ông X đồng ý. Ngày 12/11/2015, H viết 01 Giấy cam kết có nội dung thể hiện: “Trần Thị Thanh H có nhận số tiền 300.000.000 đồng để đưa cháu L vào học Phòng cháy chữa cháy hệ Dân sự khi ra trường H chịu trách nhiệm xin việc làm tại Sở Phòng cháy chữa cháy Công an cho cháu L”. Sau đó H nộp hồ sơ đăng ký cho cháu L học Trung cấp phòng cháy, chữa cháy hệ dân sự tại H Nội và cháu L được đi học. Năm 2017, khi cháu L thực tập tốt nghiệp, H đã liên hệ với ông X và yêu cầu ông X đưa số tiền 5.000.000 đồng để lo thăm tra lý lịch cho cháu L, ngày 02/11/2017, bà Phạm Thị X chuyển khoản cho H 5.000.000 đồng. Sau đó, H

không liên hệ với cá nhân, tổ chức nào để xin việc cho cháu L như thỏa thuận mà chiếm đoạt toàn bộ số tiền trên để trả nợ cá nhân. Sau khi cháu L tốt nghiệp và chờ đợi thời gian dài không được đi làm, ông X đã liên hệ với H để đòi lại tiền nhưng H chỉ trả lại cho ông X được số tiền 65.000.000 đồng. *Như vậy, H đã chiếm đoạt của ông Đoàn Huy X số tiền 240.000.000 đồng (Hai trăm bốn mươi triệu đồng).*

- *Vụ thứ mười một: Chiếm đoạt của ông Phạm Văn L, sinh năm 1970, trú tại tỉnh Đắk Lắk:*

Năm 2015, ông L có quen biết với H, ông L có nhờ bà H xin cho con trai ông L là cháu Phạm Văn L, sinh năm 1996, đã tốt nghiệp Trung học phổ thông được đi nghĩa vụ công an sau đó chuyển chuyên nghiệp, ở lại công tác trong ngành Công an. H nói với ông L là có khả năng xin được cho cháu L với chi phí là 240.000.000 đồng, trong đó đưa trước 120.000.000 đồng và khi nào cháu L được đi nghĩa vụ thì đưa tiếp 120.000.000 đồng còn lại và ông L đồng ý. Ngày 15/01/2015, ông L đưa cho H hồ sơ và số tiền 120.000.000 đồng như đã thỏa thuận. Sau khi nhận tiền, H đã viết 01 Giấy nhận tiền có nội dung thể hiện: “Trần Thị Thanh H có nhận của gia đình anh Phạm Văn L số tiền là 120.000.000 đồng hẹn lúc nào gia đình cần sẽ thanh toán lại đầy đủ”. Sau đó, H đem hồ sơ của cháu L đến Công an tỉnh Đắk Lắk nộp để đăng ký nghĩa vụ cho cháu L, đến tháng 3/2015 thì cháu L trúng tuyển nghĩa vụ Công an nhân dân. Việc cháu L trúng tuyển nghĩa vụ là do cháu L đủ điều kiện, tiêu chuẩn về chính trị, sức khỏe, học lực, hoàn toàn không mất tiền. Ngày 02/02/2016, ông L tiếp tục đưa cho H số tiền 120.000.000 đồng như đã thỏa thuận. Khi nhận tiền, H viết 01 giấy nhận tiền có nội dung thể hiện: “Trần Thị Thanh H có nhận của gia đình anh Phạm Văn L số tiền 120.000.000 đồng lo cho cháu ở lại trong ngành Công an nhân dân”. Năm 2018, cháu L xuất ngũ, ông L liên hệ với H để đòi lại tiền thì H không trả lại tiền cho ông L. *Như vậy, H đã chiếm đoạt của ông L số tiền 240.000.000 đồng (Hai trăm bốn mươi triệu đồng).*

- *Vụ thứ mười hai: Chiếm đoạt của ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1963, trú tại tỉnh Đắk Lắk:*

Ông H có mối quan hệ quen biết với H từ năm 2015, quá trình quen biết, ông H có nhờ H xin cho con gái ông là cháu Nguyễn Thị T, sinh năm 1996, đã tốt nghiệp trung cấp sư phạm mầm non được vào biên chế làm giáo viên mầm non dạy tại huyện C hoặc huyện B. H nói với ông H là có khả năng xin được cho cháu T với chi phí là 130.000.000 đồng và ông H đồng ý. Ngày 21/6/2016, ông H đưa cho H số tiền 130.000.000 đồng như đã thỏa thuận. Sau khi nhận tiền, H viết cho ông H 01 Giấy nhận tiền có nội dung: “Trần Thị Thanh H có nhận của gia đình anh chị Nguyễn Văn H, vợ Đỗ Thị L số tiền là 130.000.000 đồng lo cho cháu Nguyễn Thị T vào dạy mầm non ở Cư Mgar và vào biên chế”. Sau đó, H không liên hệ với cá nhân, tổ chức nào để xin việc cho cháu T như đã thỏa thuận mà chiếm đoạt toàn bộ số tiền này để trả nợ cá nhân. Sau thời gian dài chờ đợi không có kết quả, ông H đã liên hệ với H để đòi lại tiền nhưng H không trả. *Như vậy, H đã chiếm đoạt của ông H số tiền 130.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng).*

- *Vụ thứ mười ba: Chiếm đoạt của ông Y Mlô, sinh năm 1987, trú tại tỉnh Đắk Lắk:*

Năm 2015, thông qua các mối quan hệ xã hội, ông Y quen biết với H, ông Y có nhờ H giúp xin vào biên chế làm Giáo viên dạy môn Giáo dục Công dân tại Trường Dân tộc nội trú huyện K. H nói là có khả năng xin cho ông Y Mlô với chi phí là 160.000.000 đồng và ông Y đồng ý. Ngày 13/8/2015, ông Y đưa cho H hồ sơ xin việc kèm theo số tiền 160.000.000 đồng, H đã viết 01 Giấy vay tiền có nội dung thể hiện: “*Trần Thị Thanh H có vay của gia đình anh chị Y Mlô, vợ H’ T Niê số tiền là 160.000.000 đồng*” và viết bổ sung ở mặt sau của Giấy vay tiền nội dung: “*Số tiền này lo cho Y Mlô vào dạy trường Dân tộc nội trú K*”. Sau đó H không liên hệ với cá nhân, tổ chức nào để xin việc cho Y như đã thỏa thuận mà chiếm đoạt toàn bộ số tiền để sử dụng vào mục đích cá nhân. Sau thời gian dài chờ đợi không có kết quả, Y đã liên hệ với H để đòi lại tiền và H mới chỉ trả lại cho ông Y được 60.000.000 đồng. *Như vậy, H đã chiếm đoạt của ông Y Mlô số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng).*

- *Vụ thứ mười bốn: Chiếm đoạt của ông Y, sinh năm 1980, trú tại tỉnh Đắk Lắk:*

Năm 2015, thông qua các mối quan hệ xã hội, ông Y quen biết với H, ông Y đã đặt vấn đề với H là có nhu cầu xin cho người cháu tên H, sinh năm 1995, đã tốt nghiệp Trung cấp Mầm non được vào biên chế làm Giáo viên dạy tại Trường Mầm non H thuộc tỉnh Đắk Lắk. H nói với ông Y là có khả năng xin cho cháu H vào biên chế Giáo viên dạy tại Trường Mầm non H với chi phí là 140.000.000 đồng, trong đó chi phí để xin được đi dạy hợp đồng là 40.000.000 đồng và chi phí để lo vào biên chế là 100.000.000 đồng và ông Y đồng ý. Ngày 14/9/2015, ông Y đưa cho H hồ sơ của cháu H kèm số tiền 40.000.000 đồng, H đã viết cho ông Y 01 Giấy mượn tiền thể hiện có mượn của ông Y số tiền 40.000.000 đồng. Ngày 16/9/2015, ông Y tiếp tục đưa cho H 100.000.000 đồng, sau khi nhận tiền thì H viết tiếp cho ông Y 01 Giấy vay tiền có nội dung thể hiện: “*Trần Thị Thanh H có vay của gia đình Y số tiền 100.000.000 đồng. Tổng 2 lần mượn là 140.000.000 đồng*”. Sau đó H đem hồ sơ xin việc của H đến nộp tại Phòng Giáo dục huyện C để đăng ký cho H đi dạy tại trường mẫu giáo H theo chế độ hợp đồng có thời hạn và H đã được ký hợp đồng làm việc tại trường. Việc cháu H được ký hợp đồng lao động là do cháu H đủ điều kiện, tiêu chuẩn về trình độ sư phạm, hoàn toàn không mất tiền. Sau khi H’ Minh được đi làm thì H không liên hệ với cá nhân, tổ chức nào để xin vào biên chế cho H như đã thỏa thuận mà chiếm đoạt toàn bộ số tiền để sử dụng cá nhân. Đến năm 2016, cháu H bị chấm dứt hợp đồng, Ông Y liên hệ với H để đòi lại tiền nhưng H không trả. Như vậy, H đã thực hiện được thỏa thuận với ông Y về việc xin cho cháu H được đi dạy hợp đồng với giá tiền 40.000.000 đồng. Còn đối với thỏa thuận về việc xin cho H’ Minh H’ Đok được vào biên chế thì H không thực hiện mà chiếm đoạt luôn số tiền ông Y đã đưa. *Vì vậy, H đã chiếm đoạt của ông Y số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng).*

- *Vụ thứ mười lăm: Chiếm đoạt của ông Nông Văn P, sinh năm 1966, trú tại tỉnh Đắk Lắk:*

Tháng 8/2016, ông P gặp và đặt vấn đề với H là có nhu cầu lo cho con trai tên Nông Hồng T, sinh năm 1990, đã tốt nghiệp Trung học Phổ thông được đi học các Trường Công an nhân dân. H nói với ông P là có khả năng xin cho cháu T được đi học trường Trung cấp vũ trang tại H Nội với chi phí là 450.000.000 đồng, trong đó đưa trước 300.000.000 đồng và khi nào có quyết định đi học thì đưa tiếp 150.000.000 đồng còn lại và ông P đồng ý. Ngày 20/8/2016, ông P đưa cho H số tiền 200.000.000 đồng. Sau khi H nhận tiền thì có bạn của ông P tên Nguyễn Văn T, sinh năm 1968, trú tại 382 Nguyễn T Bình, xã H T, thành phố B làm chứng và viết 01 Giấy nhận tiền thể hiện: “Trần Thị Thanh H. có nhận tiền của ông Nông Văn P với số tiền là 200.000.000 đồng để lo công việc cho con tôi là Nông Hồng T” và đưa cho ông P ký tên dưới mục bên giao tiền, ông T ký tên dưới mục người làm chứng và H ký tên dưới mục bên nhận tiền. Ngày 08/10/2016, ông P đưa cho H thêm số tiền 100.000.000 đồng cho đủ 300.000.000 đồng như đã thỏa thuận. Sau khi nhận tiền, H đã viết bổ sung phía dưới Giấy nhận tiền nói trên với nội dung: “Tổng tới ngày 08/10/2016, tôi đã nhận toàn bộ là 300.000.000 (Ba trăm triệu)”. Sau đó, H đã không liên hệ với cá nhân, tổ chức nào để lo cho cháu T được đi học như đã thỏa thuận mà chiếm đoạt toàn bộ số tiền này để trả nợ. Ngày 12/6/2018, H trả lại cho ông P số tiền 30.000.000 đồng. *Như vậy, H đã chiếm đoạt của ông Nông Văn P số tiền 270.000.000 đồng (Hai trăm bảy mươi triệu đồng).*

- *Vụ thứ mười sáu: Chiếm đoạt của ông Nguyễn Minh T, sinh năm 1957, trú tại tỉnh Đắk Lắk:*

Năm 2016, ông T cùng con trai tên Nguyễn Văn K, sinh năm 1990, là chiến sỹ nghĩa vụ công tác tại Công an huyện E, tỉnh Đắk Lắk đã gặp và đặt vấn đề nhờ H xin cho K được đi học trường Trung cấp Cảnh sát nhân dân V - Bộ Công an. H nói với ông T là có khả năng xin đi học cho K với chi phí là 500.000.000 đồng, trong đó đưa trước 350.000.000 đồng và khi nào có quyết định đi học thì đưa tiếp 150.000.000 đồng còn lại thì ông T và anh K đồng ý. Ngày 07/11/2016, ông T và anh K đưa cho H số tiền 350.000.000 đồng như thỏa thuận. Sau khi nhận tiền, H đã viết 01 Giấy nhận tiền thể hiện: “Trần Thị Thanh H có nhận của anh Nguyễn Văn K 350.000.000 đồng để lo cho anh K được đi học Trường Trung cấp Cảnh sát”. Sau đó, H không liên hệ với cá nhân, tổ chức nào để xin cho anh K được đi học như đã thỏa thuận. Tháng 02/2017, anh K được giải quyết cho xuất ngũ. Anh K đã liên hệ với H để đòi lại tiền thì H nói là sẽ xin cho anh K vào biên chế, làm lái xe tại Tổng cục VIII - Bộ Công an và cam kết trước ngày 25/6/2018 sẽ có quyết định đi làm thì anh K đồng ý. Ngày 25/3/2018, H viết 01 Giấy nhận tiền chạy việc thể hiện: “Vào ngày 07/11/2016, Trần Thị Thanh H có nhận của anh Nguyễn Minh T số tiền là 350.000.000 đồng để lo cho cháu Nguyễn Văn K đi học Trung cấp Cảnh sát nhưng không được. Hiện nay cháu đã xuất ngũ, vậy tôi hứa trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày 25/3/2018 đến ngày 25/6/2018 tôi sẽ xin cho cháu K vào lái xe cho Trại Giam Đắk Tân thuộc Tổng cục 8 Bộ Công an, chịu trách nhiệm cho tới lúc cháu K vào Biên chế”. Sau đó, H cũng không liên hệ với cá nhân, tổ chức nào để xin việc làm cho anh K như thỏa thuận mà chiếm đoạt toàn bộ số tiền này để trả nợ. Sau thời gian chờ đợi

không có kết quả, ông T và anh K đã liên hệ với H để đòi lại tiền nhưng H mới chỉ trả lại cho gia đình ông T được số tiền 135.000.000 đồng. *Như vậy, H đã chiếm đoạt của gia đình ông Nguyễn Minh T số tiền 215.000.000 đồng (Hai trăm mười lăm triệu đồng).*

- *Vụ thứ mười bảy: Chiếm đoạt của bà Phạm Thị S, sinh năm 1973, trú tại tỉnh Gia Lai:*

Năm 2016, bà S quen biết với H, bà S nói với H là có nhu cầu muốn xin cho con trai bà S là cháu Đỗ Nguyễn T, sinh năm 1997, vào làm soát vé tại sân bay Pleiku. H nói với bà S là sẽ xin cho cháu T vào làm tại Sân bay Pleiku, tỉnh Gia Lai với chi phí là 150.000.000 đồng, trong đó, đưa trước 100.000.000 đồng, khi nào có quyết định tuyển dụng thì đưa tiếp 50.000.000 đồng còn lại và bà S đồng ý. Ngày 09/8/2016, bà S chuyển khoản cho H số tiền 27.000.000 đồng. Ngày 09/9/2016, bà S tiếp tục đưa cho H 20.000.000 đồng. Khi nhận tiền, H đã viết cho bà S 01 Giấy vay tiền có nội dung thể hiện: "*Trần Thị Thanh H có nhận của gia đình Đỗ Nguyễn T số tiền 47.000.000 đồng*". Đến ngày 15/10/2016, bà S đưa tiếp cho H 53.000.000 đồng để đủ 100.000.000 đồng như thỏa thuận. Khi nhận tiền, H viết 01 Giấy vay tiền có nội dung thể hiện: "*Trần Thị Thanh H có vay của gia đình chị Phạm Thị S số tiền là 53.000.000 đồng*". Sau khi nhận tiền, H không liên hệ với cá nhân, tổ chức nào để xin việc cho cháu Đỗ Nguyễn T như thỏa thuận mà chiếm đoạt số tiền này để trả nợ. Sau đó, bà S liên hệ với H để đòi lại tiền nhưng H chỉ trả lại cho bà S được số tiền 5.000.000 đồng. *Như vậy, H đã chiếm đoạt của bà Phạm Thị S số tiền 95.000.000 đồng (Chín mươi lăm triệu đồng).*

- *Vụ thứ mười tám: Chiếm đoạt của bà Đặng Thị Minh T, sinh năm 1964, trú tại số nhà 92, thôn 03, xã H Xuân, thành phố B:*

Khoảng cuối năm 2017, thông qua bà Phạm Thị H, sinh năm 1964, trú tại thành phố B bà T đã quen biết với bà H, trong quá trình quen biết, bà T đã gặp và đặt vấn đề với H là có nhu cầu muốn xin cho con trai tên là Nguyễn Công T, sinh năm 1993, đã tốt nghiệp Khoa Thiết kế Xây dựng cầu đường Trường Đại học Giao thông vận tải tại thành phố Hồ Chí Minh được vào công tác trong ngành Công an. H nói với bà T là có khả năng xin cho cháu T vào biên chế ngành công an và công tác tại Sở Cảnh sát Phòng cháy, chữa cháy Công an tỉnh K H với chi phí là 550.000.000 đồng và bà T đồng ý. Từ ngày 01/01/2018 đến ngày 06/10/2018, bà T đã có 04 lần đưa tiền cho H với tổng số tiền là 480.000.000 đồng. Trong đó, Ngày 03/01/2018, H đã viết 01 Giấy nhận tiền có nội dung: "*Trần Thị Thanh H có nhận của gia đình Đặng Thị Minh T số tiền là 340.000.000 đồng để đưa cháu Nguyễn Công T vào làm việc tại Sở Phòng cháy chữa cháy K H trực thuộc của Công an tỉnh K H*", và ngày 06/10/2018, H đã viết bổ sung nội dung vào phía dưới của Giấy nhận tiền ngày 03/01/2018 nội dung: "*Ngày 06/10/2018, tôi Trần Thị Thanh H có nhận thêm của T là 140.000.000 đồng. Ngày hôm nay H đã nhận toàn bộ là 480 triệu đồng để lấy quyết định cho cháu T vào làm Phòng cháy chữa cháy Công an tỉnh K H*". H và bà T thỏa thuận miệng khi nào cháu T có quyết định đi làm thì bà T sẽ đưa tiếp số tiền 70.000.000 triệu

đồng còn lại. T nhiên, Sau khi nhận tiền, H đã không liên hệ với cá nhân, tổ chức nào để xin việc cho cháu T như thỏa thuận mà chiếm đoạt toàn bộ số tiền này để trả nợ. Sau thời gian dài chờ đợi không có kết quả, bà T đã liên hệ với H để đòi lại tiền thì H chỉ trả lại cho bà T số tiền 300.000.000 đồng. *Vì vậy, H còn chiếm đoạt của bà T số tiền là 180.000.000 đồng (Một trăm tám triệu đồng).*

- *Vụ thứ mười chín: Chiếm đoạt của bà Đào Thị M, sinh năm 1990, trú tại tỉnh Đắk Lắk:*

Năm 2018, chị M quen biết với H nên có nhờ H xin cho chị M vào biên chế và công tác tại Trạm y tế xã E, huyện B, H nói có khả năng xin được việc cho chị M với chi phí là 150.000.000 đồng, trong đó đưa trước 80.000.000 đồng, khi nào có quyết định tuyển dụng thì đưa tiếp 70.000.000 đồng còn lại và chị M đồng ý. Ngày 03/4/2018, chị M đưa cho H số tiền 80.000.000 đồng, chị M viết 01 Giấy nhận tiền có nội dung thể hiện: “Gia đình tôi là Ngô Văn T chồng, vợ Đào Thị M có nhờ bà Trần Thị Thanh H chạy việc lo biên chế công chức tại Trạm Y tế xã E, huyện B. Nay gia đình tôi đưa trước 80.000.000 đồng” rồi đưa cho H ký tên dưới mục người nhận tiền. Sau khi nhận tiền, H không liên hệ với cá nhân, tổ chức nào để xin việc cho chị M như thỏa thuận mà chiếm đoạt toàn bộ số tiền này để trả nợ. Tháng 4/2018, chị M thi tuyển công chức tại Sở Y tế tỉnh Đắk Lắk nhưng không trúng tuyển. Sau đó, chị M đã liên hệ với H để đòi lại tiền nhưng H chỉ trả lại cho chị M được số tiền 30.000.000 đồng. *Như vậy, H đã chiếm đoạt của chị Đào Thị M số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng).*

- *Vụ thứ hai mươi: Chiếm đoạt của ông Nguyễn S Đ, sinh năm 1977, trú tại Tổ dân phố 8A, phường T, thành phố B:*

Năm 2018, ông Đ quen biết với H, ông Đ nói với H là có nhu cầu muốn xin cho vợ tên là Châu Thị Mỹ T, sinh năm 1978, đang công tác tại trường trung học cơ sở T, huyện T, tỉnh Đồng Nai được chuyển công tác về dạy môn H tại một trường trung học cơ sở trên địa bàn huyện C, tỉnh Đắk Lắk. H nói với ông Đ là có khả năng xin cho vợ ông Đ được chuyển công tác từ Đồng Nai về Đắk Lắk với chi phí là 80.000.000 đồng và ông Đ đồng ý. Hai bên thỏa thuận thời gian lo công việc là 01 năm, ông Đ phải đưa trước số tiền 30.000.000 đồng, khi nào có quyết định chuyển công tác thì đưa tiếp 50.000.000 đồng còn lại. Ngày 27/2/2018, ông Đ đưa cho H số tiền 20.000.000 đồng, đến tháng 7/2018, ông Đ đưa tiếp cho H số tiền 10.000.000 đồng, H còn vay thêm của ông Đ 3.000.000 đồng và thỏa thuận cần sang tiền xin chuyển công tác cho bà T, khi nào bà T được chuyển công tác thì ông Đ chỉ cần đưa tiếp 47.000.000 đồng. H viết cho ông Đ 01 giấy khất nợ có nội dung thể hiện: “Trần Thị Thanh H có nợ Nguyễn S Đ số tiền là 33.000.000 đồng”. Sau khi nhận tiền, H không liên hệ với cá nhân, tổ chức nào để lo chuyển công tác cho bà T như đã thỏa thuận mà chiếm đoạt luôn số tiền này để sử dụng cá nhân. Qua thời gian dài chờ đợi không có kết quả, ông Đ đã liên hệ với H để đòi lại tiền nhưng H không trả. *Như vậy, H chiếm đoạt của ông Nguyễn S Đ số tiền 33.000.000 đồng (Ba mươi ba triệu đồng).*

- *Vụ thứ hai mươi một: Chiếm đoạt của bà Phan Thị B, sinh năm 1966, trú tại thôn 4, xã H Xuân, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk:*

Năm 2018, do có mối quan hệ quen biết nên bà B có nhờ H xin việc cho con gái tên là Lê Thị Cẩm V, sinh năm 1995, đã tốt nghiệp cử nhân sư phạm trường Đại học Tây Nguyên được vào biên chế ngành giáo dục và làm giáo viên dạy môn H tại trường Trung học cơ sở Trần H Đạo tại thành phố B. H nói với bà B là có khả năng xin việc cho cháu V với chi phí là 220.000.000 đồng, trong đó đưa trước 20.000.000 đồng, khi nào có quyết định tuyển dụng thì đưa tiếp 200.000.000 đồng còn lại và bà B đồng ý. Ngày 16/4/2018, bà B đưa cho H số tiền 20.000.000 đồng, H có viết 01 Giấy nhận tiền với nội dung thể hiện: “Trần Thị Thanh H có nhận của gia đình chị Phan Thị B số tiền là 20.000.000 đồng, lo cho cháu Cẩm V làm giáo viên H vào dạy Trường trung học cơ sở Trần H Đạo”. Sau đó, H không liên hệ với cá nhân, tổ chức nào để xin việc cho cháu V như đã thỏa thuận mà chiếm đoạt luôn số tiền này để sử dụng vào mục đích cá nhân. Sau thời gian dài chờ đợi không có kết quả, bà B đã liên hệ với H để đòi lại tiền nhưng H không trả. *Như vậy, H đã chiếm đoạt của bà Phan Thị B số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng).*

Tổng số tiền mà Trần Thị Thanh H đã chiếm đoạt của các bị hại nêu trên là 4.333.400.000 đồng (Bốn tỷ ba trăm ba mươi ba triệu bốn trăm ngàn đồng).

Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tạm giữ toàn bộ các vật chứng có liên quan để xử lý theo pháp luật.

Tại các bản Kết luận giám định số 562/PC09 ngày 09/7/2018; số 328/PC09 ngày 05/5/2019; số 765/PC09 ngày 26/9/2019; số 277/PC09 ngày 14/4/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk đã kết luận: Chữ ký, chữ viết đứng tên Trần Thị Thanh H trong các giấy nhận tiền, giấy vay tiền, giấy cam kết, giấy khất nợ là do H ký, viết ra.

Tại bản cáo trạng số 11/CT-VKS-P3 ngày 13/01/2020 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk truy tố bị cáo Trần Thị Thanh H về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 BLHS.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 18/2020/HSST ngày 09/3/2020, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo Trần Thị Thanh H phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Căn cứ vào điểm a khoản 4 Điều 174; các điểm b, s, khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo Trần Thị Thanh H **16 (Mười sáu)** năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam 18/4/2019.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, trách nhiệm dân sự, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 13/3/2020 bị cáo Trần Thị Thanh H kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa:

- Kiểm sát viên phát biểu quan điểm giải quyết vụ án của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Thị Thanh H; Sửa án sơ thẩm, giảm một phần hình phạt cho bị cáo.

- Luật sư bào chữa cho bị cáo thống nhất với quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát. Bị cáo dù hoàn cảnh gia đình khó khăn, nhưng vẫn tiếp tục cố gắng khắc phục một phần cho các bị hại, thể hiện thái độ ăn năn hối cải của bị cáo. Đây là tình tiết giảm nhẹ mới, mong HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên; Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận như sau: Trong thời gian từ năm 2013 đến năm 2018, bằng thủ đoạn đưa ra thông tin gian dối là bản thân có mối quan hệ rộng nên có khả năng xin được việc làm, đi học, chuyển công tác trong các ngành Công an, Giáo dục và Y tế... làm cho những người bị hại tin tưởng giao tiền và đã chiếm đoạt của 21 người bị hại, với tổng số tiền là 4.333.400.000 đồng.

Với hành vi, hậu quả nêu trên, án sơ thẩm tuyên bố bị cáo Trần Thị Thanh H phạm tội: *“Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”* theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[1]. Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Trần Thị Thanh H, nhận thấy: T sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo tiếp tục tác động gia đình bồi thường thêm cho 3 người bị hại với số tiền 97.000.000 đồng và được 3 bị hại là Phan Thị B, Nguyễn Văn H và Dương Đình T có đơn xin giảm nhẹ hình phạt; nhưng xét thấy bị cáo Trần Thị Thanh H bị truy tố, xét xử về tội: *“Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”* theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự, có khung hình phạt tù từ 12 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân; bị cáo đã chiếm đoạt 4.333.400.000đ; Bị cáo nhiều lần thực hiện hành vi phạm tội nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Án sơ thẩm cũng đã xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã thành khẩn khai báo; ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; đã tác động gia đình khắc phục một phần hậu quả cho người bị hại; bị cáo là người có nhân thân tốt; có bố đẻ là ông Trần Văn Tích là người có công với cách mạng được Chủ tịch nước tặng thưởng huân chương kháng chiến hạng nhất và mẹ đẻ bà Trần Thị Xuân được Chủ tịch nước tặng thưởng huân chương kháng chiến hạng nhì; được người bị hại bà Phạm Thị H và bà Phạm Thị S xin giảm nhẹ hình phạt, là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, nhưng xử phạt bị cáo 16 năm tù là có phần nhẹ, chưa phù hợp với tính chất, mức độ và hậu quả do hành vi phạm tội gây ra. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo.

[2]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về phần trách nhiệm dân sự; về án phí sơ thẩm và nghĩa vụ thi hành án không có kháng cáo, kháng nghị, Hội

đồng xét xử không xét và đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[3]. Về án phí phúc thẩm: Kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí phúc thẩm.

Từ nhận định trên;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Thị Thanh H; Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; các điểm b, s, khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015; Xử phạt: Bị cáo Trần Thị Thanh H **16 (Mười sáu) năm tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam 18/4/2019.

[2]. Về án phí phúc thẩm: Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Trần Thị Thanh H phải chịu 200.000 đồng án phí phúc thẩm.

[3]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về phân trách nhiệm dân sự; về án phí sơ thẩm và nghĩa vụ thi hành án không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị và được thi hành theo quyết định tại Bản án hình sự sơ thẩm số 18/2020/HS-ST ngày 09/3/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra I, TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Phòng HSNV - Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Cơ quan CSTHAHS - Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Cơ quan THAHS – Công an thành phố BMT;
- Sở T pháp tỉnh Đắk Lắk;
- Cục THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Trại tạm giam CA tỉnh Đắk Lắk;
- Bị cáo; Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HSVA, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Văn Tào

